

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/03/2020

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Ba

Ông Nguyễn Văn Bá

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm 1987.(có mặt)

Địa chỉ: ấp N2, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Lê Đông N**, sinh năm 1985.(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N2, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1969 (có mặt)

2/ Bà Trần Thị E, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N2, xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông Lê Văn B, sinh năm 1954 (Có mặt)

4/ Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 14/12/2019, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Lê Đông N thành hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/02/2009. Thời gian vợ chồng chung sống được gần 10 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên ăn chơi, bài bạc không về nhà, dẫn đến bị nghiện ma túy bị đưa đi cai nghiện. Gia đình đã khuyên răn nhiều nhưng anh N không thay đổi. Đến tháng 09 năm 2019 chị đưa cháu Lê Trọng P về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trọng N1, sinh ngày 23/8/2009 hiện đang sống với anh N và ông bà nội là ông Lê Văn M và bà Trần Thị E và Lê Trọng P sinh ngày 31/10/2014 hiện sống với chị và ông bà ngoại là ông Lê Văn B và bà Võ Thị Hồng H, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, để cháu N1 tiếp tục sống chung với anh N và ông bà nội, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Đông N do ông Lê Văn M là cha ruột của anh N nhận thay. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh N không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh N vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Đông N tại phiên toà hôm nay.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M, bà Trần Thị E trình bày: Chị T và anh N thành hôn năm 2009, sống chung có 02 con chung, chị T xin ly hôn để cháu Lê Trọng N1 cho ông bà nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N1, ông bà đồng ý và đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu N1 đến trưởng thành để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B, bà Võ Thị Hồng H trình bày: Chị T và anh N thành hôn năm 2009, do cuộc sống hôn nhân của chị T không hạnh phúc, chị T đưa cháu Lê Trọng P về sống chung với ông bà. Ông bà đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu P đến trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày: Thời gian chị T và anh N sống chung tại nhà ông, anh N ăn chơi thường xuyên không về nhà, dẫn đến nghiện ngập ma túy, ông đã khuyên răn nhiều nhưng anh N không thay đổi. Thấy chị T đau khổ trong hôn nhân do lỗi của con ông, ông mong muốn chị T có

được cuộc sống hạnh phúc, chị T xin ly hôn, anh N không đồng ý nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không đạt kết quả do lỗi của anh N. Về cháu N1 từ nhỏ sống chung với ông, ông và bà E trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, anh N là đối tượng nghiện ngập không có nguồn thu nhập ổn định nên không phụ ông và bà E chi phí chăm sóc nuôi dưỡng con. Ông và bà E cam kết sẽ thay anh N nuôi dưỡng cháu N1 đến trưởng thành, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con như thỏa thuận giữa hai bên gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Lê Đông N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị E, bà Võ Thị Hồng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Lê Đông N thành hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/02/2009 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống anh Lê Đông N thường xuyên ăn chơi, không về nhà, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không hạnh phúc, mặc dù gia đình anh N nhiều lần khuyên răn nhưng anh N không thay đổi. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh N nhiều lần đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ anh N, chị T đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Lê Thị Cẩm T và anh Lê Đông N có 02 con chung là Lê Trọng N1, sinh ngày 23/8/2009 hiện đang sống chung với anh N và ông M, bà E do ông M, bà E trực tiếp nuôi dưỡng và Lê Trọng P sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống chung với chị T và ông B, bà H do ông B, bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu để cháu N1 tiếp tục sống chung với anh N do ông M, bà E trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N1. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu P, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nội con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N1 từ nhỏ sống chung với ông M, bà E, chị T xác định ông M, bà E chăm sóc cháu đảm bảo và cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với anh N do ông M, bà E trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu P sống chung với chị T do ông B, bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông M xác định chị T, ông B, bà H chăm sóc tốt cho cháu P. Anh N là đối tượng bị nghiện, không có thu thập ổn định nhưng ông M bà E cam kết sẽ thay anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 đến trưởng thành. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, việc học tập và theo nguyện của cháu Lê Trọng N1, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của gia đình anh N và chị T, giao cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 23/8/2009 cho anh Lê Đông N, ông Lê Văn M, bà Trần Thị E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Trọng P sinh ngày

31/10/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T, ông Lê Văn B, bà Võ Thị Hồng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên miễn xét

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Cẩm T ly hôn với anh Lê Đông N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 23/8/2009 cho anh Lê Đông N, ông Lê Văn M, bà Trần Thị E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Trọng P sinh ngày 31/10/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T, ông Lê Văn B, bà Võ Thị Hồng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015878 ngày 10/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã H1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga